

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 122/TTr-TTPTQĐ ngày 13/10/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 862/TTr-STNMT ngày 24/10/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ

thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 1), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **16.607.733.000 đồng** (Mười sáu tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 16.250.227.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 325.005.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 32.500.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 22.750.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 32.501.000 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

\* Phần diện tích 583,0m<sup>2</sup> thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bàn giao cho UBND phường Nhơn Phú quản lý và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO  
MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN, PHƯỜNG NHƠN PHÚ,  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

<b>STT</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b>
1	Nguyễn Văn Phát	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	623.856.000
2	Trần Khương	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.714.581.000
3	Trần Văn Nghiệp	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	52.020.000
4	Trần Thị Diệu	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	470.498.000
5	Lê Thị Hồng Chính	Tổ 9, khu phố 2, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn	145.156.000
6	Nguyễn Thị Diễm Hồng	Tổ 1, khu phố 3, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	302.752.000
7	Hộ bà Võ Thị Nhiều	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	372.196.000
8	Ông Đào Thanh Sơn	Khu phố 3, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	471.237.000
9	Lê Văn Chương (chết) - vợ Phan Thị Đi	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	169.561.000
10	Hộ ông Mai Văn Hùng	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	197.714.000
11	Ông Nguyễn Đình Cốc, bà Nguyễn Thị Có	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	509.058.000
12	Ông Trần Châu	Số 143 đường Trần Cao Vân, thành phố Quy Nhơn	145.559.000
13	Bà Huỳnh Thị Ba, con Lê Thị Nhiều ĐDKK	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	389.096.000
14	Bà Nguyễn Thị Lang, con Huỳnh Minh Cường ĐDKK	Tổ 6, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	502.072.000
15	Ông Nguyễn Văn Hòa	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	162.471.000

<b>STT</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b>
16	Nguyễn Thành (chết) con Nguyễn Mười kê khai	Tổ 1, khu phố 4, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.127.508.000
17	Phạm Văn Sơn, vợ Đỗ Thị Ái Thu	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	487.209.000
18	Trần Đình Ân (chết) vợ Nguyễn Thị Tình	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	262.067.000
19	Trần Trọng Kim (chết) con Trần Thị Gương ĐDKK	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.397.946.000
20	Quách Thị Minh Thu	Số 60 đường Lê Đại Hành, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn	111.655.000
21	Đình Văn Hải (chết), vợ Hồ Thị Kiên	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	364.686.000
22	Hộ ông Lê Ngọc Dũng	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	159.828.000
23	Nguyễn Mạnh Khiêm	Số 280 đường Hùng Vương, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	158.684.000
24	Lê Thị Em (chết), con Võ Thành Tại (ĐDKK)	Tổ 3, khu phố 4, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	74.662.000
25	Lê Thị Bưởi (chết) con Phan Thị Sau ĐDKK	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	664.230.000
26	Hộ Lê Công Chi (ông Nguyễn Đình Khâm và bà Dương Thị Điền nhận chuyển nhượng)	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	227.318.000
27	Lê Thị Tới	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	22.396.000
28	Lê Văn Xuân	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	256.454.000
29	Nguyễn Thị Xuân Tài	Số 140 đường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn	67.674.000
30	Trần Văn Khánh	Tổ 47, khu phố 7, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn	199.018.000

<b>STT</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b>
31	Lê Văn Nga	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	294.108.000
32	Lê Văn Về	Tổ 2, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	491.699.000
33	Lê Văn Chín (chết) - vợ Ngô Thị Mười (chết) - con Lê Quang Minh	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	709.043.000
34	Bà Nguyễn Thị Hằng, chồng Nguyễn Hùng Anh	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	596.779.000
35	Ông Nguyễn Ngọc A	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	630.422.000
36	Nguyễn Văn Châu (chết), vợ Lê Thị Phước	Tổ 2, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	431.338.000
37	Nguyễn Thị Quýt (chết), con dâu Trương Thị Cương ĐKK	Tổ 5, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	501.832.000
38	Nguyễn Văn Hồng	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	733.736.000
39	Phan Thị Phương	Số 22 đường Tú Xương, thành phố Quy Nhơn	50.435.000
40	UBND P. Nhơn Phú	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	0
41	Nguyễn Văn Hậu	Tổ 3, khu phố 4, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	1.673.000
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ BT, HT</b>		<b>16.250.227.000</b>
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ PHỤC VỤ GPMB ( A x 2%)</b>		<b>325.005.000</b>
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG TỔ CHỨC CƯỠNG CHẾ ( B x 10%)</b>		<b>32.501.000</b>
<b>D</b>	<b>TỔNG CỘNG ( A + B + C)</b>		<b>16.607.733.000</b>